



zhàng yǎn fǎ

障眼法

noun · smoke screen, camouflage

Example Sentences

zhè zhǐ shì gè zhàng yǎn fǎ
这只是个障眼法。

This is just a smoke screen.

tā yòng zhàng yǎn fǎ piàn guò le suǒ yǒu rén
他用障眼法骗过了所有人。

He fooled everyone with a camouflage trick.

Trace each character, then write the word on your own.

障	障	障	障	障	障	障	障	障	障	障
障	障	障	障	障						

眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼	眼
眼	眼	眼								

法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法